



HUYỆN PHÙ CỪ

229 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG







Mẹ TRẦN THỊ MĨN



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1984
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Hồng: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 2-1968; hy sinh ngày 20-2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 219^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ VẠN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Hội: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 2-1961, tại Sư đoàn 365, Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân; hy sinh ngày 4-4-1972, tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số QP 288^b ngày 02-3-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Trung: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 5-1965; xuất ngũ tháng 5-1966; tái ngũ tháng 3-1967, tại C10, D6, E46, F1; hy sinh ngày 07-4-1972, tại xã Kông Pông Trách, tỉnh Căm Pốt, Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 537^b ngày 01-9-1973.

Mẹ DƯƠNG THỊ THIỀM



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1986
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Ngọc Thỏ: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 02-1952, tại Đại đoàn 304; hy sinh ngày 04-10-1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số NC 139^b ngày 30-12-1975.
2. Liệt sĩ Trần Tất Nghinh: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 02-1952, tại Đại đội 71, Trung đoàn 9, Đại đoàn 304; hy sinh ngày 25-11-1952, tại xã An Cư, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 718^{bp}/CL ngày 03-5-1963.



Mẹ PHẠM THỊ TÙY



Năm sinh: 1910; năm tử trần: 1978
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Duy Động: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 10-1966, tại tổ 2, P2; hy sinh ngày 16-2-1968, tại Mặt trận thành phố Sài Gòn; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 316^{bm}/CL ngày 11-8-1976.
2. Liệt sĩ Trần Duy Khấu: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 12-1970, tại Tiểu đoàn 1, Sư đoàn 5, Quân khu 7; hy sinh ngày 05-11-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 935^{bm}/CL ngày 20-11-1974.

Mẹ BÙI THỊ THUẬN



Năm sinh: 1912; năm tử trần: 19-1-2009
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Duy Ngói: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 10-11-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 463^b ngày 3-7-1976.
2. Liệt sĩ Trần Duy Ngói (Ngõa): Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1970; hy sinh ngày 05-10-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 458^b ngày 03-7-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ SIM



Năm sinh: 1916; năm tử trần: 24-3-1986
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Thanh Họa: Sinh năm 1938; nhập ngũ ngày 15-9-1965, tại C8, D12, E54A, F320; hy sinh ngày 20-8-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 258^{bm}/CL ngày 15-12-2010.
2. Liệt sĩ Trần Văn Tín: Sinh năm 1943; nhập ngũ ngày 29-7-1969, tại C2, D50, Tỉnh đội Bình Định; hy sinh ngày 20-6-1970, tại Mặt trận tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 526^{bm}/CL ngày 15-12-2010.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHA



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 20-3-1998
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Xuân Hanh: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 5-1965, tại C18 Báo vụ; hy sinh ngày 28-1-1970, tại huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số OI 105^b ngày 26-11-1971.
2. Liệt sĩ Phạm Xuân Mùa: Sinh năm 1953; nhập ngũ ngày 16-4-1970, tại Tiểu đoàn 630, Trung đoàn 2, Đại đội 3; hy sinh ngày 10-7-1972, tại xã Rạch Bắp, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 322^b ngày 15-6-1974.

Mẹ LÊ THỊ SON



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Trịch: Sinh năm 1923; du kích địa phương; hy sinh ngày 22-5-1951, tại xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 778^{kp}/CL ngày 12-4-1973.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Nê: Sinh năm 1926; bộ đội chủ lực; hy sinh ngày 16-12-1951, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 061^{bp}/CL ngày 01-2-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ NỤ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1952
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Công Phổ: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1968, tại Quân khu Tây Bắc; hy sinh ngày 24-4-1969, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số MR 457^{pm}/CL ngày 15-12-2010.



Mẹ NGUYỄN THỊ NGÔ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1950
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Đẩu: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 9-1965, tại C17, KB; hy sinh ngày 15-7-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 114^b ngày 28-10-1975.
2. Liệt sĩ Trần Văn Bạ: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 3-1965, tại D65, KB; hy sinh ngày 26-5-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 353^{bm}/CL ngày 21-2-1975.

Mẹ PHAN THỊ TỪ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1974
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Duy Liệt: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1948; hy sinh tháng 9-1952, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 041^{bp}/CL ngày 01-02-1959.
2. Liệt sĩ Trần Duy Lịch: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1962; hy sinh tháng 1-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 473^{bm}/CL ngày 05-7-1972.





Mẹ NGUYỄN THỊ KIM



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 24-7-1969
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Trung Trác: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 5-1953, đơn vị tại ngũ bộ đội chủ lực; hy sinh năm 1954, tại Điện Biên Phủ.
2. Liệt sĩ Doãn Quốc Tuấn (tức Lưu): Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1952; hy sinh năm 1953, tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2942.
3. Liệt sĩ Doãn Thị Dị: Sinh năm 1933; hy sinh tháng 9-1953, tại sông Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 2942^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHẶN



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 552 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất liệt sĩ Trần Quang Giàng: Sinh năm 1923; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1953, tại cây đa La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3366^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ THI



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2003
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Sâm: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1971, đơn vị tại ngũ C26, phòng Hậu cần, Sư đoàn 324; hy sinh ngày 29-6-1972, tại cây số 10, đường 16, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 945^b ngày 13-8-1976.





Mẹ HOÀNG THỊ LÃ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1932
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Quảng: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1946; hy sinh tháng 9-1953, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 799^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ DÈM



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1934
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Quýnh: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1951; hy sinh ngày 14-11-1953, tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 944^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÔNG



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất liệt sĩ Trần Quang Vũ: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 3-1965; hy sinh ngày 21-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NT 570^b ngày 9-9-1974.



Mẹ TRẦN THỊ GÁI



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Cao Đồng: Sinh năm 1939; nhập ngũ năm 1959; hy sinh ngày 10-9-1968 tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số QY 176^b ngày 01-6-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ BÀI



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1966
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Đạo: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 3-10-1950; hy sinh ngày 27-12-1953 tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 255^k.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẬN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1941
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Tiến Hiền: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh ngày 29-10-1970 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 296^{bm}/CL ngày 25-12-2010.



Mẹ NGUYỄN THỊ HUỆ



Năm sinh: 1924; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đăng Phiếm: Sinh năm 1952; nhập ngũ tháng 5-1972; hy sinh ngày 30-8-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RH 953^b ngày 03-7-1976.

Mẹ VƯƠNG THỊ LOÁT



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Đảo: Sinh năm 1922; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 15-9-1950, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 641^{kp}/CL ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Đào: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 6-1948; hy sinh ngày 24-7-1954, tại Vĩnh Tường, Vĩnh Phú; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3363^{bm}/CL ngày 28-10-2005.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÙNG



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Quang Trung: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 4-1965; hy sinh ngày 14-02-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 641^b/CL ngày 15-12-2010.
2. Liệt sĩ Trần Đức Khâm: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 12-1959; hy sinh ngày 28-12-1968, tại Thừa Thiên Huế; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 223^{bm}/CL.



Mẹ LÊ THỊ TẮC



Năm sinh: 1891; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Cao Văn Tuyên: Sinh năm 1937; hy sinh ngày 17-3-1971 tại đường 9 Nam Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 330^b ngày 2-7-1973.
2. Liệt sĩ Cao Văn Miên: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 25-4-1968, tại tỉnh Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 980^{bm}/CL ngày 18-01-2013.

Mẹ BÙI THỊ NGẬN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2013
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Trung Đính: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1961; hy sinh ngày 01-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QB 013^b ngày 17-11-1975.
2. Liệt sĩ Doãn Trung Nghị: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 28-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 865^b ngày 24-02-1970.

Mẹ TRỊNH THỊ KIM



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1983
Quê quán: Thành phố Hà Nội
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Hồng Hải: Sinh năm 1945; nhập ngũ ngày 14-9-1965; hy sinh ngày 25-4-1969, tại tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 845^b ngày 13-8-1976.
2. Liệt sĩ Bùi Ngọc Thạch: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 6-1968, đơn vị tại ngũ 200 thuộc KB; hy sinh ngày 30-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 586^b ngày 17-11-1975.



Mẹ NGUYỄN THỊ DIỆP



Năm sinh: 1932; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Quốc Đô: Sinh năm 1956; nhập ngũ ngày 22-02-1975, đơn vị tại ngũ Công an nhân dân vũ trang tỉnh An Giang; hy sinh ngày 4-4-1978, tại Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số OG 6T898^p/CL ngày 13-10-1978.
2. Liệt sĩ Bùi Xuân Đông: Sinh năm 1960; nhập ngũ tháng 3-1979, đơn vị tại ngũ C10, D3, E688, F5, M479; hy sinh ngày 02-4-1980, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số G 017^{bt} ngày 25-02-1983.

Mẹ BÙI THỊ TIẾN



Năm sinh: 1862; năm từ trần: 1977
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Cù: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 4-1940; hy sinh ngày 01-9-1953, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 511^{kp}/CL ngày 7-10-2003.
2. Liệt sĩ Trần Văn Đạm: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 6-1948; hy sinh ngày 6-9-1951, tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 365^{bp} ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ LƯỢNG



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Mạc: Sinh năm 1924; nhập ngũ tháng 01-1946; hy sinh ngày 29-8-1951, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GX 738^{kp}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Dục: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 10-1948, đơn vị tại ngũ 10/10; hy sinh ngày 28-02-1950, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1746^b ngày 01-6-1959.



Mẹ NGÔ THỊ DONG



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1992
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thùy: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 14-12-1969 tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 185^{bm}/CL ngày 04-8-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Lăng: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 17-01-1971 tại Đường 9, Khe Sanh; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 998^b ngày 20-5-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ KỶ



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Hữu Tư: Sinh năm 1897; hy sinh ngày 15-9-1950 tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 146^c ngày 02-01-1976.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Hữu Liệu: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 02-1950; hy sinh ngày 28-6-1950, tại Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 036^b.

Mẹ PHẠM THỊ TẤN



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1960
Quê quán: Tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 006-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Doãn Doãn: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1946; hy sinh ngày 17-9-1951, tại xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 407^k.
2. Liệt sĩ Bùi Doãn Kinh: Sinh năm 1937; nhập ngũ ngày 14-9-1965; hy sinh ngày 20-6-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 883^b.



Mẹ BÙI THỊ CHỪNG



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hùng: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 4-1949; hy sinh ngày 01-6-1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 231^{bp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hào: Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 8-1952; hy sinh tháng 3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 827^b.

Mẹ DOÃN THỊ SỎI



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Hữu Nguyên: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 4-1972; hy sinh ngày 21-7-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 011^b ngày 27-02-1975.
2. Liệt sĩ Đoàn Hữu Sáu: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 20-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 713^b.

Mẹ VŨ THỊ BỔNG



Năm sinh: 1932
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Hồng Ngân: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 4-1970; hy sinh ngày 02-7-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 630^{bm}/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Hồng Liệu: Nhập ngũ tháng 4-1979; hy sinh ngày 06-3-1982, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số G 036^{bt} ngày 25-2-1983.



Mẹ PHẠM THỊ DIÊM



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 245/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ Đoàn Năng Triển: Sinh năm 1908; nhập ngũ năm 1930; hy sinh ngày 22-6-1945 tại Xứ ủy Bắc Kỳ; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 2947^c ngày 22-11-1960.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đoàn Mạnh Hùng: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1961; hy sinh ngày 25-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Vm 9611^b ngày 24-02-1970.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ ĐOÀN ĐÀO

Mẹ BÙI THỊ NHU



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Huy Dân: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 10-3-1952, tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 408^k ngày 11-5-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Huy Điểm: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 23-9-1970, tại Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 862^b ngày 23-6-1976.

Mẹ LÊ THỊ THẮT



Năm sinh: *; ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Thâm (Vũ Cao Thâm): Sinh năm 1929, tại xã Đoàn Đào; hy sinh năm 1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 551^b.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Liêm: Sinh năm 1939; nhập ngũ tại xã Đoàn Đào; hy sinh ngày 13-3-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 184^b.

Mẹ LÊ THỊ TÍN



Năm sinh: *; năm từ trần: 17-04-1978
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trương Văn Hoàn: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 17-4-1954, tại Mặt trận Ấp Dầu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 348^b ngày 21-11-1960.



Mẹ NGUYỄN THỊ LAN



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tĩnh: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 10-10-1952, tại An Cảnh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3446^b ngày 02-7-1959.

Mẹ VŨ THỊ RỖI



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997,
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thục: Sinh năm 1932; hy sinh năm 1953, tại Đường 5, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 551^{kp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Độ: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 11-1965; hy sinh ngày 13-01-1972, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHANG



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1-12-1930
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516 KT/CTN ngày 12-8-2004.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Đình Thọ: Sinh năm 1905; nhập ngũ năm 1938; hy sinh ngày 27-02-1942, tại Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 211^c ngày 10-5-1990.
2. Liệt sĩ Doãn Đình Vực: Sinh năm 1907; nhập ngũ năm 1942; hy sinh ngày 05-01-1951, tại Long Cầu, Đoàn Đào, Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số BT 619^{kp} ngày 20-2-2002.



Mẹ DOÃN THỊ LẠC



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tụ: Sinh ngày 15-06-1926; hy sinh ngày 15-6-1953, tại Côn Đảo; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 307^{bp}.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tập: Sinh năm 1927; Du kích xã Đoàn Đào huyện Phù Cù tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 18-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 489.

Mẹ QUÁCH THỊ VẾT



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Quang Hồi: Sinh năm 1933; hy sinh tháng 3-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 807^{kp} ngày 21-6-2012.
2. Liệt sĩ Trần Quang Hối: Sinh năm 1935; hy sinh năm 1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 2944^c ngày 28-11-1960.

Mẹ CAO THỊ ĐẮC



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Rục: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 10-5-1969, tại miền Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 559^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Hoàng: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 14-5-1971, tại miền Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 963^b.



Mẹ TRẦN THỊ NHỖ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vương Văn Hân: Sinh năm 1926; Du kích địa phương; hy sinh tháng 10-1949, tại Long Cầu, Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 522^{kp} ngày 7-10-2003.
2. Liệt sĩ Vương Đình Hy sinh năm 1926; Du kích, biên chế A2, chức vụ A phó; hy sinh ngày 11-7-1951, tại Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 411^{kp}/CL ngày 11-5-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ VÊ



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Huyền: Sinh năm 12-4-1938; nhập ngũ tháng 04 -1962; hy sinh ngày 25-01-1982, tại Đồng Minh, Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AK 714^{bt} ngày 7-11-1984.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đăng Tuyên: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 30-6-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 543^{bm}/CL ngày 27-9-1973.

Mẹ BÙI THỊ THUẬN



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Ngọc Dàng: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 6-1965; hy sinh ngày 31-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 022^b ngày 02-3-1974.
2. Liệt sĩ Lê Ngọc Dịp: Sinh năm 1950; nhập ngũ 3-1967; hy sinh ngày 06-01-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 249^b ngày 03-10-1972.



Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Phác: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 27-8-1950, tại La Tiến, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 810^{CP} ngày 21-6-2012.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trần Văn Chiến: Sinh năm 1948; hy sinh ngày 16-02-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 547^B.

Mẹ NGUYỄN THỊ BÔNG



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Thăng: Sinh năm 1926; hy sinh ngày 18-01-1952, tại xã Cao Xá, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 362^B.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Mạc: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 4-1968, tại Tiểu đoàn 17 KH; hy sinh ngày 21-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 468^B.

Mẹ LÊ THỊ HẢO



Năm sinh: *;; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Duy Cậy: Sinh năm 1920; hy sinh tháng 8-1949, tại Thanh Miện; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 459^{KP} ngày 07-12-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Hồng: Sinh năm 1917; hy sinh tháng 08-1952, tại Long Cầu, Đoàn Đào, Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 460^{BP} ngày 07-12-2003.



Mẹ NGUYỄN THỊ VẦN



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Đình Lê: Sinh năm 1914; nhập ngũ năm 1948, tại đơn vị Ty Giao thông tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 03-8-1950, tại Long Cầu, Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 670^{CP}/CL.
2. Liệt sĩ Doãn Đình Hương: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1948, tại đơn vị 24 Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 26-4-1952, tại Nhật Lệ, Nhật Quang, Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 349^{BP}/CL.

Mẹ LÊ THỊ CHÍT



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Bùi Đăng Trực: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1948, tại đơn vị 308; hy sinh năm 1952, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 257^{BP} ngày 08-11-2006.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Bùi Đăng Chiến: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 08-02-1968, tại Thành cổ Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 845^{BM}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ DOÃN THỊ ĐIỆP



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1994
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Duy Bất: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 05-9-1966, tại Nam Hà; Bằng Tổ quốc ghi công số BM 132^B ngày 12-8-1967.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Dỹ: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 25-8-1968, tại Đông Nam Bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 436^B/CL ngày 01-4-1977.



Mẹ NGUYỄN THỊ HIÊN



Năm sinh: *;; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Thế Sửu: Sinh năm 1932; hy sinh năm 1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 359^{bp}/CL ngày 21-11-1960 .
2. Liệt sĩ Nguyễn Thế Thạnh: Sinh năm 1931; hy sinh năm 1952, tại Cao Xá, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 363^{bp}/CL.

Mẹ LÊ THỊ ONG



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2015
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Thế Dân: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 21-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 956^b ngày 20-5-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thế Bằng: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 12-1971; hy sinh ngày 03-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 065^b ngày 14-6-1973.

Mẹ LÊ THỊ VIỄN



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Quách Tá Sán: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 13-3-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XU 078^b ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Quách Tá Ánh; hy sinh ngày 05-9-1951, tại Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 350^{bp} ngày 08-11-2006.



Mẹ QUÁCH THỊ VU



Năm sinh: 1922

Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đào Văn Cảo: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 16-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 963^b ngày 16-5-1974.

2. Liệt sĩ Đào Xuân Hào: Sinh năm 1953; nhập ngũ ngày 5-12-1971; hy sinh ngày 24-8-1972, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số QE 627^b.

Mẹ CHU THỊ BÉ



Năm sinh: 1910; năm tử trần: 1977

Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Bất: Sinh năm 1944; nhập ngũ 05-01-1966, tại đơn vị Quyết Thắng 1, Đặc công Long An; hy sinh ngày 04-01-1970, tại Bờ sông ấp 9, Hiệp Phước, Cần Ruộc, Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 899^b ngày 13-8-1976.

2. Liệt sĩ Đỗ Văn Mão: Sinh năm 1951; nhập ngũ 02-01-1968, tại đơn vị C9, D3, Trung đoàn 84; hy sinh ngày 15-01-1971, tại Mặt trận phía Nam quân khu 4; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 864^b ngày 05-8-1972.

Mẹ VŨ THỊ CỬ



Năm sinh: 1907; năm tử trần: 1985

Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Mai Thanh Tuân: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 02-1967, tại đơn vị F320; hy sinh ngày 03-3-1968, tại Thành cổ Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 965^b ngày 24-2-1970.

2. Liệt sĩ Mai Văn Hiền: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 7-1967, tại đơn vị C15, E52, F320; hy sinh ngày 16-10-1968, tại Bình Trị Thiên; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 964^b ngày 24-2-1970.



Mẹ DOÃN THỊ NHÂN



Năm sinh: 1910; năm tử trần: 2001
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Con độc nhất là liệt sĩ Doãn Đình Báu (tức Quyển): Sinh năm 1925, tại Trung đoàn 42; hy sinh tháng 4-1949, tại Tổng Hoàng Tranh; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 175^{bp}.

Mẹ NGUYỄN THỊ TUẾ



Năm sinh: 1893; năm tử trần: 1970
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Quang Quyên: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 13-5-1950, tại Đồng Minh, Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1560^x ngày 2/11/1959.
2. Liệt sĩ Trần Quang Quý: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 13-3-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số BC 020^c ngày 31-3-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ DUNG



Năm sinh: 1903; năm tử trần: 1991
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Chồng là liệt sĩ Trần Văn Chung: Sinh năm 1909; nhập ngũ tại Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; hy sinh ngày 13-4-1950, tại Đoàn Đào, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 358^{bp} ngày 08-11-2006.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trần Văn Hiếu: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 25-9-1951, tại Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số ZC 144^{bp} ngày 23-4-1957.



Mẹ AN THỊ THƯ



Năm sinh: 1908; năm tử trần: 2004
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù,
tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù,
tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt
Nam anh hùng theo Quyết định số 2596/
QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Chồng là liệt sĩ Vương Văn Vĩnh: Sinh năm
1910; nhập ngũ năm 1954, tại đơn vị Điện
Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số YZ
023^b.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Vương Văn Viễn: Sinh năm 1943;
hy sinh năm 1977, tại Mặt trận phía Nam;
Bằng Tổ quốc ghi công số VK 134^b.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ MINH HOÀNG

Mẹ NGUYỄN THỊ VIỄN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có con độc nhất là liệt sĩ Đinh Bá Lộng: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 17-8-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 416^k ngày 11-5-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ SON



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1946
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Phương: Sinh năm 1927; đơn vị tại ngũ xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 13-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 073^k ngày 08-7-1964.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẤT



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1957
Quê quán: Duy Tân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994. Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Nhất.
Có 4 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Căn: Nhập ngũ tháng 2-1946; đơn vị tại ngũ Công an tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 18-3-1951, tại La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 104^c ngày 06-01-1957.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Bản: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 30-12-1950; hy sinh ngày 22-4-1952, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 3949^b.
3. Liệt sĩ Nguyễn Đức Lóc (tức Thăng): Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 9-1951; hy sinh ngày 17-12-1951, tại Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1916^b.
4. Liệt sĩ Nguyễn Đức Thắng (tức Đại): Hy sinh ngày 12-3-1975, tại tỉnh Lâm Đồng; Bằng Tổ quốc ghi công số TO 017^b.



Mẹ TẠ THỊ TÈO



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có con độc nhất là liệt sĩ Đinh Xuân Hường: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 15-5-1971; hy sinh ngày 24-4-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 842^b.

Mẹ PHẠM THỊ BỐN



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đón: Sinh năm 1920; hy sinh ngày 17-07-1950, tại xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 026^k ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Năm: Sinh năm 1969; hy sinh ngày 25-5-1973; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 922^b.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sáu: Nhập ngũ tháng 4-1964; đơn vị tại ngũ Quân khu Tây Bắc; hy sinh ngày 27-7-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 871^b.

Mẹ PHẠM THỊ CÁY



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Chùy: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ du kích xã đội Minh Hoàng; hy sinh ngày 10-8-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 404^k ngày 17-5-1960.



Mẹ PHẠM THỊ LY



Năm sinh: 1916; năm tử trần: 1986
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có con độc nhất là liệt sĩ Phạm Hồng Nghiệp: Nhập ngũ năm 1969-1970; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 2, Hải Hưng, Tiểu đoàn 619, Đại đội 2; hy sinh ngày 15-8-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 512^b ngày 13-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ



Năm sinh: 1916; năm tử trần: 1945
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lưu Văn Hiều: Hy sinh tháng 2-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐP 379^{bq} ngày 10-2-1998.
2. Liệt sĩ Lưu Viết Hiều: Sinh ngày 19-9-1934; nhập ngũ tháng 2-1952; đơn vị tại ngũ Cục vận tải; hy sinh ngày 17-11-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số EZ 4590 ngày 05-4-1973.

Mẹ DOÃN THỊ HỐT



Năm sinh: 1932; năm tử trần: 1956
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 676 KT/CTN ngày 25-12-2000.
Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Thắm: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 6-1974; đơn vị tại ngũ C5, D7, E117; hy sinh ngày 29-4-1975, tại Bình Chánh, tỉnh Gia Định; Bằng Tổ quốc ghi công số QY 457^{b/} CL.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHƠN



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908/QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Quang Tuệ: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 20-6-1948, tại Chiến dịch Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số EC 059^b ngày 31-3-1972.

Mẹ VŨ THỊ MẠO



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vinh: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 30-10-1950, tại xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 104^{kp}/CL ngày 01-3-1968.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Bình: Sinh năm 1927; hy sinh ngày 27-8-1950, tại xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XH 398^k ngày 11-6-1960.

Mẹ VŨ THỊ QUẤT



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Ảnh: Hy sinh ngày 8-5-1952, tại xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1005^p ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chình: Hy sinh ngày 24-10-1952, tại tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 245^p ngày 11-5-1960.



Mẹ TRƯƠNG THỊ NỤ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương kháng chiến hạng Hai.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đinh Mạnh Hồng: Hy sinh ngày 01-02-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 255^b.
2. Liệt sĩ Đinh Mạnh Tạo: Hy sinh ngày 03-12-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 270^b.

Mẹ ĐINH THỊ CẬY



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Tạ Quang Mỹ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1942; hy sinh ngày 21-9-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 089^{kp} ngày 21-4-2003.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Tạ Quang Vỹ: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 27-9-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 717^b ngày 17-11-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ BÍCH



Năm sinh: 1927; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Đắc Sin, huyện ĐRLấp, tỉnh Đắc Nông
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Thuốc: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ 312; hy sinh ngày 08-8-1970, tại Cánh đồng Chum Siêng Khoảng (Lào); Bằng Tổ quốc ghi công số SD 502^b ngày 13-8-1976.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Khoát: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 16-4-1970; đơn vị tại ngũ C3, D630, E2; hy sinh ngày 30-6-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 970^b ngày 13-8-1976.



Mẹ PHAN THỊ LÂM



Năm sinh: 1926; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Việt: Sinh năm 1934; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 09-3-1968, tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số MH 376^b ngày 29-4-1970.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Chinh: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 1964; hy sinh ngày 27-02-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 516^b ngày 01-12-1973.

Mẹ TRỊNH THỊ ẨM



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Tuân: Sinh năm 1920; đơn vị tại ngũ du kích Hoàng Thao; hy sinh ngày 5-4-1953, tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3455^b ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Thiệu: Đơn vị tại ngũ Vũ Hổ; hy sinh ngày 25-8-1950, tại Quang Xá, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3464^b ngày 02-7-1959.

Mẹ TRẦN THỊ CÔNG



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1991
Quê quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ An Quốc Khánh: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 20-6-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 861^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Lưu Đình Khuê: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 30-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 098^b ngày 15-1-1970.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ MINH TÂN

Mẹ NGUYỄN THỊ CƯỚC



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Chung: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 12-8-1964; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 3, Bình trạm 36, Đoàn 559; hy sinh ngày 06-02-1970, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 983^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ HẾN



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ :
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khang: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; hy sinh năm 1950; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 726^b ngày 01-9-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ích: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 12-3-1951 tại Chiến dịch Hoàng Hoa Thám; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1140^b ngày 01-6-1959.
3. Liệt sĩ Nguyễn Thị Cuội: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 08-12-1952, tại Bốt cầu Tràng Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 640^k ngày 12-01-2012.

Mẹ ĐỖ THỊ CANH



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba; Huy chương kháng chiến hạng Hai.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cứu: Nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn đơn vị chủ lực tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 25-8-1951, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 326^{bp}/CL ngày 04-6-2004.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nại: Sinh năm 1928; nhập ngũ 1957; đơn vị tại ngũ Cục 2; hy sinh ngày 25-11-1961, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số YY 089^p ngày 13-6-1977.



Mẹ LÊ THỊ BE



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Kiên: Sinh ngày 8-5-1932; nhập ngũ tháng 9-1950; đơn vị tại ngũ C24 Phù Cù; hy sinh ngày 3-7-1952, tại Mặt trận phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 331^{bp}/CL ngày 12-01-2012.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Chí: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 2-1954; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh đoàn 559; hy sinh ngày 01-6-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MA 848^{bm}/CL ngày 12-1-2012.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGÁT



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Đoán: Sinh năm 1930; nhập ngũ 1947; hy sinh ngày 14-7-1952, tại xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 321^{bp}/CL ngày 12-01-2012.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Phạn: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 02-1960; đơn vị tại ngũ trợ lý tác chiến D3; hy sinh ngày 09-9-1968, tại huyện Hưng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 136^{bm}/CL ngày 12-01-2012.

Mẹ ĐOÀN THỊ NHUẦN



Năm sinh: 1928
Quê quán: Xã Hồng Thái, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phổ: Sinh năm 1952; nhập ngũ ngày 04-4-1970, đơn vị C9, D24, KB, Tiểu đoàn 24; hy sinh ngày 19-02-1973, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số TL 610^{bm}/CL ngày 22-3-2011.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Phả: Sinh năm 1955; nhập ngũ ngày 04-6-1974, đơn vị C7D5 Đoàn 174F5QK7; hy sinh ngày 23-3-1978; Bằng Tổ quốc ghi công số 7S 746^p ngày 10-01-1978.



Mẹ HOÀNG THỊ RÔ



HOÀNG THỊ RÔ - MINH TÂN PHÙ CÙ

Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Hùng: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1965; hy sinh ngày 20-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 536^{bm}/CL ngày 22-3-2011.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Cường: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 20-10-1967; hy sinh ngày 20-10-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UQ 946^b ngày 01-4-1977.

Mẹ HOÀNG THỊ BẮT



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1959
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Văn Dục: Sinh năm 1918; nhập ngũ năm 1953; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh năm 1954, tại Bốt cầu Tràng; Bằng Tổ quốc ghi công số XD 984^{kp}/CL ngày 22-3-2011.
2. Liệt sĩ Hoàng Công Hạnh (tức Hách): Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 14-02-1951; hy sinh ngày 01-9-1953, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1062^b ngày 01-6-1959.

Mẹ HOÀNG THỊ CÁY



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Lại: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 12-1953; hy sinh ngày 16-6-1968, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MH 385^b ngày 29-4-1970.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Hựu: Sinh năm 1926; nhập ngũ ngày 01-01-1946; đơn vị tại ngũ C30, Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 27-10-1950, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1792^{bp}/CL ngày 22-3-2011.



Mẹ NGUYỄN THỊ TOỆT



Năm sinh: 1921; năm tử trần: 2007
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Khương: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh ngày 13-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 971^{bm}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Văn Điện: nhập ngũ tháng 02-1979; hy sinh ngày 22-8-1983, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số AI 599^{bt}/CL ngày 12-1-2012.

Mẹ HOÀNG THỊ THE



Năm sinh: 1887; năm tử trần: 1943
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Quang: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 10-8-1948, tại Tuyên Quang; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 019^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Bồn: Sinh năm 1925; hy sinh 1953, tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 729^{cp}/CL ngày 3-5-1963.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ MINH TIẾN

Mẹ LƯƠNG THỊ GÁI (SẮC)



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2015
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba; Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Tha: Sinh năm 1934; nhập ngũ ngày 15-4-1968, tại F1; hy sinh ngày 17-4-1969, tại Mặt trận Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 497^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ YẾN



Năm sinh: *;; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Thị Lãng: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950, tại C24, huyện Phù Cù; hy sinh ngày 27-8-1950, tại huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 100^k ngày 1-3-1968.

Mẹ NGUYỄN THỊ MỄ



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1937
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Mỏ than Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh.
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516/QĐ-CTN ngày 12-8-2004.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Giảng: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1950, tại C24, huyện Phù Cù; hy sinh ngày 21-6-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐP 391^b ngày 10-02-1998.



Mẹ NGUYỄN THỊ LẠT



Năm sinh: 1912; năm tử trần: 1945
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516 QĐ/CTN ngày 12-8-2004.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Thận: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 8-1949; hy sinh ngày 16-8-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3459^b ngày 2-7-1959.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Nghĩa: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1948; hy sinh năm 1949, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐP 420^b ngày 10-02-1998.

Mẹ NGUYỄN THỊ THƯỜNG



Năm sinh: 1922; năm tử trần: 1952
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 516 QĐ/CTN ngày 12-8-2004.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đình Huân: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1966, tại D3, E1, F2, B1; hy sinh ngày 01-6-1972, tại Kon Tum; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 555^b ngày 25-4-1974.

Mẹ HÀ THỊ LƯƠNG



Năm sinh: 1908; năm tử trần: 1995
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lương Bách Ca: Nhập ngũ tháng 8-1968, tại F304, BK; hy sinh ngày 25-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UQ 844^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Lương Bách Pha: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 13-9-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 864^b ngày 16-10-1975.



Mẹ HOÀNG THỊ KIM



Năm sinh: 1912; năm tử trần: 1993
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hà Xuân Đặng: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1959, tại Quân khu 5; hy sinh ngày 06-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 205^b ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Hà Minh Trịnh: Sinh năm 1941; nhập ngũ năm 1960, tại Quân khu 9; hy sinh ngày 06-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 175^b ngày 02-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ TẠO



Năm sinh: 1922; năm tử trần: 2014
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Chồng là liệt sĩ Trần Đức Lạng: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 1-1948; hy sinh ngày 06-9-1951, tại xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 533^{kp}/CL ngày 04-5-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trần Nhật Đồng: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 7-1968; hy sinh ngày 01-4-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 835^{bm}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ NGUYỄN THỊ CÒM



Năm sinh: 1902; năm tử trần: 1953
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Phùng: Sinh năm 1923; nhập ngũ tháng 10-1948, tại C24, huyện Phù Cù; hy sinh ngày 25-9-1951, tại huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3432^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Văn Tường: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 3-1949, tại C24, huyện Phù Cù; hy sinh ngày 26-9-1951, tại huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1722^{bp}/CL.



Mẹ PHẠM THỊ NHỚN



Năm sinh: 1906; năm tử trần: 1968
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Sính: Sinh năm 1936; nhập ngũ ngày 20-6-1968; hy sinh ngày 15-2-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 943^b ngày 19-8-1976.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Tắc: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 11-6-1969, tại tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 343^b ngày 25-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ LIÊM



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1991
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Dụ Tuyến: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 3-1959; hy sinh ngày 1-9-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 760^b.
2. Liệt sĩ Phạm Hồng Phong: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 5-1970; hy sinh ngày 10-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 343^b ngày 14-6-1973.

Mẹ NGÔ THỊ LAN



Năm sinh: 1906; năm tử trần: 1933
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Đắc: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1946, tại Huyện đội Phù Cù; hy sinh tháng 10-1950, tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 936^b ngày 01-6-1959.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NGUYÊN HÒA

Mẹ ĐỖ THỊ THỀM



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Xuân Trịnh: Sinh năm 1969; nhập ngũ tháng 9-1967; hy sinh ngày 1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RM 846^p ngày 17-8-1974.

Mẹ TRẦN THỊ KHOAI



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1975
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Có con độc nhất là liệt sĩ Đặng Trọng Cù: Sinh năm 1937; nhập ngũ tháng 4-1962; hy sinh ngày 18-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 028^b.

Mẹ LÊ THỊ HẠNG



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Có con độc nhất là liệt sĩ Trần Quốc Tuấn: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 01-9-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 488^b.



Mẹ PHẠM THỊ Ỡ



Năm sinh 1906; năm tử trần: 1995
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Đình Liệu: Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 10-8-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 831^b.
2. Liệt sĩ Đặng Đình Lâm: Sinh năm 1956; nhập ngũ năm 1974; hy sinh ngày 06-9-1978; Bằng Tổ quốc ghi công số 8T 167^b.

MẸ TRẦN THỊ NHÂM



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1984
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Hồng Thiệp: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 22-6-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 305^b.
2. Liệt sĩ Lê Xuân Sụ: Sinh năm 1948; nhập ngũ ngày 01-02-1968; hy sinh ngày 20-10-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số LV 729^b.

Mẹ ĐẶNG THỊ Ỡ



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1986
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-1914.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Đình: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1965; hy sinh ngày 12-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công QN 491^b ngày 03-4-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mộng: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 02-1967; đơn vị tại ngũ Trung đoàn 52, Sư đoàn 320; hy sinh ngày 16-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công VB 648^b ngày 01-4-1977.



Mẹ ĐẶNG THỊ HOÀI



Năm sinh: 1919; năm tử trần: 10-8-1995
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Điểm: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 4 -1965; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 15-6-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 206^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Toán: Sinh ngày 20-10-1951; nhập ngũ ngày 29-7-1969; đơn vị tại ngũ C5, P1; hy sinh ngày 04-9-1970, tại xã Cát Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 659^b ngày 28-12-1976.

Mẹ LƯƠNG THỊ NGỌ



Năm sinh: 1917; năm tử trần: 1999
Quê quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thành: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 14-5-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐM 143^c ngày 01-12-1975.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Mão: Hy sinh ngày 31-12-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 857^b ngày 09-12-1975.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NHẬT QUANG



Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỊNH



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Quyết Tiến (nay là xã Tống Phan), huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-02-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Hinh: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1966; đơn vị tại ngũ Cục vận tải đường bộ Việt Nam; hy sinh ngày 28-4-1968, tại xã Trù Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Bằng Tổ quốc ghi công số BM 523 ngày 31-12-1968.

Mẹ NGHIÊM THỊ DỪNG



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 QĐ/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đức Nha: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 11-9-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 336/CL.

Mẹ PHẠM THỊ BÉ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Tọ: Sinh ngày 15-9-1925; nhập ngũ ngày 16-3-1948; hy sinh ngày 05-7-1950, tại thôn Quang Yên, xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên



Mẹ ĐỖ THỊ BỆ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lưu Đình Đan: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 8-1968; đơn vị tại ngũ C2, D5, F2; hy sinh ngày 14-6-1971, tại Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 957^{bm}/CL ngày 22-02-1977.
2. Liệt sĩ Lưu Đình Điền (Điền): Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GP 159^{bm}/CL ngày 14-6-1973.

Mẹ LÊ THỊ VỆ



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Bột: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 15-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LE 943^b ngày 16-5-1974.
2. Liệt sĩ Đỗ Xuân Tính: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 21-4-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 356^b ngày 14-6-1973.

Mẹ PHẠM THỊ CỢP



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Ba: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1965, đơn vị tại ngũ ZIF9-KB; hy sinh ngày 30-4-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 152^{bm}/CL ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Trọng Lãng: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ C12-F3 KN; hy sinh ngày 02-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 764^{bm}/CL ngày 07-5-1974.



Mẹ ĐỖ THỊ TÝ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đỗ Văn Hùng: Sinh ngày 01-01-1952; nhập ngũ năm 1975; hy sinh ngày 20-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 839^{bm}/CL ngày 18-01-2013.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Mạnh: Sinh ngày 01-01-1956; nhập ngũ năm 1975; đơn vị tại ngũ Lực lượng vũ trang Hà Tiên, Kiên Giang; hy sinh ngày 16-3-1978, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TU 326^b/CL ngày 18-01-2013.

Mẹ LƯU THỊ TUẤN



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2014
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Quang An: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 8-1968; hy sinh ngày 04-3-1969, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AX 218^b ngày 16-8-1971.
2. Liệt sĩ Lê Quang Thắng: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1969; hy sinh ngày 06-7-1971, tại Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 299^b ngày 08-10-1971.

Mẹ LÂM THỊ CHỨC



Năm sinh: 1893; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lưu Đình Quy: Sinh năm 1929; nhập ngũ tháng 10-1948; đơn vị tại ngũ Quân khu Tả Ngạn; hy sinh ngày 16-02-1954, tại Cẩm Giàng, Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số PX 028^b/CL ngày 25-6-1965.
2. Liệt sĩ Lưu Đình Ninh: Sinh năm 1931; nhập ngũ tháng 5-1952; đơn vị tại ngũ Du kích xã; hy sinh tháng 5-1954, tại bột Cầu Tràng, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 493^k ngày 25-6-1965.



Mẹ PHẠM THỊ NÙNG



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1976
Quê quán: Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Huyền: Hy sinh ngày 18-8-1953, tại xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số SC 515K ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Thị Nến: Hy sinh ngày 16-3-1954, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 554^{kp}/CL ngày 14-5-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ LỰU



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2009
Quê quán: Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trương Văn Sách: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 7-1969; hy sinh ngày 10-02-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OT 750^b ngày 14-7-1975.
2. Liệt sĩ Trương Văn Kinh: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 5-1971; hy sinh ngày 22-12-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 882^b ngày 13-4-1977.

Mẹ NGHIÊM THỊ NUÔI



Năm sinh: 1938; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cao: Sinh năm 1921; đơn vị tại ngũ Ban Tuyên truyền; hy sinh ngày 7-7-1950, tại xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 626^{op}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vói: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 12-1967; đơn vị tại ngũ K70, F2; hy sinh ngày 08-8-1968, tại chiến trường B5, Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số RN 174^b.



Mẹ BÙI THỊ SỢI



Năm sinh: 4-5-1890; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254 / QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Thế Ký: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 1947; đơn vị tại ngũ xã Nhật Quang; hy sinh ngày 11-7-1950, tại bốt La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 678^k ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Phạm Thế Cương: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 12-1949; đơn vị tại ngũ C3, D7, F64, E308; hy sinh ngày 06-02-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3357^b ngày 02-7-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ HỖ



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Ổn: Sinh năm 1928; nhập ngũ tháng 10-1946; hy sinh ngày 15-3-1948, tại xã Phan Tống Xá, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 260^b.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHAN SÀO NAM

Mẹ NGUYỄN THỊ QUÝNH



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Đính: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1944; đơn vị tại ngũ Trung đoàn Thủ đô cũ; hy sinh ngày 18-4-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3372^b.

Mẹ BÙI THỊ TỌ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT-CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Mai Văn Tỉnh: Sinh năm 1935; hy sinh ngày 17-7-1954, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Mai Văn Phái: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 15-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 13-8-1976.
3. Liệt sĩ Mai Văn Đăng: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 6-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 20-5-1972.

Mẹ BÙI THỊ CHÁP



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đăng Phương: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 15-9-1965; đơn vị tại ngũ: C7, D12, E54, F320b; hy sinh ngày 16-12-1966, tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số 829^b tháng 11-1976.



Mẹ TRẦN THỊ HỒNG



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Thứ: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1949; hy sinh tháng 12-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số 341 ngày 07-10-2003.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHÊ



Năm sinh: *; năm từ trần:*
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 7-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hiến: Sinh năm 1910; đơn vị tại ngũ du kích xã Phan Sào Nam; hy sinh ngày 15-4-1952, tại xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐG 551^{kp} ngày 13-01-1997.

Mẹ LÊ THỊ MÀNH



Năm sinh:*; năm từ trần::*
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 908 QĐ/CTN ngày 17-12-2002.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi Văn Trước: Sinh năm 1939; nhập ngũ tháng 8-1966; hy sinh ngày 25-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PT 213^b ngày 27-9-1975.



Mẹ NGUYỄN THỊ MỊ



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Thăng: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1961; đơn vị tại ngũ quân khu 7; hy sinh năm 1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QĐ 176^{bm}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Quang Cự: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ K65, P2; hy sinh ngày 01-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 587^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ MÃN



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Mai Văn Huệ (tức Bàn): Hy sinh tháng 9-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 281^{bp}.
2. Liệt sĩ Mai Hồng Thành (tức Tú): Hy sinh ngày 31-3-1971, tại Mặt trận Thừa Thiên Huế; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 660^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHỒI



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1995
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Xuân Hội: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 4-1968; đơn vị tại ngũ Đại đội 12, Tiểu đoàn 6-KB; hy sinh ngày 28-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EL 22464^b ngày 5-4-1973.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Khuông: Sinh năm 1958; nhập ngũ tháng 8-1978; đơn vị tại ngũ Đại đội 5, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 18B, Sư đoàn; hy sinh ngày 31-1-1979, tại Mặt trận Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 8T 160^b ngày 20-9-1979.



Mẹ TRẦN THỊ NGHĨ



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1964
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Trọng Á: Sinh năm 1924; nhập ngũ tháng 10-1948; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh ngày 20-11-1949, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 761^{kp}/CL.
2. Liệt sĩ Trần Trọng Ấm: Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 10-1948; đơn vị tại ngũ du kích địa phương; hy sinh ngày 20-11-1949, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 765^{kp}/CL.

Mẹ LÊ THỊ NHÂM



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Bình Khiêm: Sinh năm 1936; nhập ngũ tháng 01-1958; hy sinh ngày 18-11-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 836b ngày 7-3-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Thuận: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 01-1961; hy sinh ngày 29-4-1964, tại Biên giới Việt Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 492^{bm}/CL ngày 11-11-1946.

Mẹ CAO THỊ SÁU



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thâm: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 05-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HP 961^{bm}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phương: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 17-7-1968, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số MB 011^{bm}/CL.



Mẹ NGUYỄN THỊ KHỎI



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Lừng: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 1949; hy sinh ngày 25-5-1950, tại Thọ Xuân, Thanh Hóa; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 227^{bp} ngày 07-10-2003.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Chiến: Sinh năm 1947; nhập ngũ ngày 23-2-1965; hy sinh ngày 02-02-1968, tại chiến trường miền Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 131^{b/} CL ngày 28-10-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ THOÀ



Năm sinh: 1876; năm từ trần: 1947
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Mai Tiến Trị: Sinh năm 1909; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh ngày 01-01-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 398^{kp} ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Mai Văn Ninh: Sinh năm 1910; hy sinh ngày 28-01-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số EZ 045^{cp} ngày 11-9-2002.

Mẹ VŨ THỊ LỰA



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có con 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Thìn: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 10-3-1969, tại Tây Nguyên; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 243^b.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Năm: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 4-1965; đơn vị tại ngũ LĐ 308; hy sinh ngày 22-5-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 321^b.



Mẹ TRẦN THỊ KẸN



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 8-1-1961
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Dương Đình Mắm: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 7-1946; hy sinh tháng 9-1949, tại Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 33925.
2. Liệt sĩ Dương Đình Hồng: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 12-8-1950, tại La Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐY 712^{kp}.

Mẹ BÙI THỊ CỖN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Mẹ được trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Hiến: Sinh năm 1910; đơn vị tại ngũ du kích xã Phan Sào Nam; hy sinh ngày 15-4-1952, tại xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐG 551^{kp} ngày 13-01-1997.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Nguyễn Văn Vinh: Sinh năm 1935; đơn vị tại ngũ du kích xã Phan Sào Nam; hy sinh ngày 18-4-1952, tại xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số GY 221^{kp} ngày 03-01-2006.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHỚN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Công Biên: Sinh năm 1949; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 03-9-1972, tại tỉnh Bình Long; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 894^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Công Tích: Sinh năm 1952; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 40, KB; hy sinh ngày 06-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 414^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ CHÂM



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Mai Văn Thạc: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 03-2-1966; hy sinh ngày 08-8-1967, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PT314^{bm}/CL ngày 27-9-1975.
2. Liệt sĩ Mai Xuân Quỳnh: Sinh năm 1954; nhập ngũ ngày 05-3-1973; hy sinh ngày 03-9-1974, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 125^{bm}/CL ngày 04-3-1977.

Mẹ TRẦN THỊ ĐỖ



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Giám: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 15-02-1968, tại chiến trường miền Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TP 016^b ngày 22-02-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ HUỆ



Năm sinh: 1910; năm mất *
Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Mẹ được trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Mai Xuân Hào: Sinh năm 1918; hy sinh ngày 23-12-1950, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XT 826^b ngày 02-01-1960.
2. Liệt sĩ Mai Xuân Hoa: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 28-4-1952, tại địa phương; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 282^{bp}.



Mẹ MAI THỊ DỀN



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1981

Quê quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Đốc: Hy sinh ngày 01-4-1954, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3374^b.

2. Liệt sĩ Vũ Đức Mậu: Sinh ngày 20-10-1942; nhập ngũ ngày 7-2-1960; hy sinh ngày 21-6-1968, tại tỉnh Hà Tĩnh; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 213^b.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ QUANG HƯNG

Mẹ NGUYỄN THỊ HẾN



Năm sinh: 1889; năm từ trần: 1952
Quê quán: Huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Quách Đăng Chuốt: Sinh năm 1944; hy sinh tháng 6-1972, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 450^{bm}/CL ngày 11-01-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ DÂN



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 4 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Quách Văn Nạp: Sinh năm 1937; đơn vị tại ngũ C14 tiểu đoàn 307, E5, F320; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 893^b.
2. Liệt sĩ Quách Văn Huynh: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1960; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số QA 669^b.
3. Liệt sĩ Quách Văn Đệ: Sinh năm 1943; nhập ngũ ngày 30-9-1966; đơn vị tại ngũ Đại đội 14, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 5 sư đoàn 320; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam.
4. Liệt sĩ Quách Văn Bản: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1965; hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 062^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ KẾT



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Tống Đăng Hòa: Sinh năm 1930; hy sinh tháng 4-1952, tại Quang Hưng, Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3383^b/CL.
2. Liệt sĩ Tống Đăng Luật: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ D405,KN; hy sinh tháng 4-1968, tại D405, KN; Bằng Tổ quốc ghi công số HV 848^{bm}/CL.
3. Liệt sĩ Tống Đăng Lệ: Sinh năm 1952; hy sinh tháng 7-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OI 071^{bm}/CL.



Mẹ ĐẶNG THỊ SON



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Toán: Sinh năm 1928; nhập ngũ ngày 14-02-1954; đơn vị tại ngũ C53, D664, E42; hy sinh ngày 6-8-1954, tại thôn Khóa Nhu, xã Yên Hòa, huyện Khoái Châu, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3453^{bp}/CL ngày 2-7-1959.

Mẹ BÌ THỊ RÉCH



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1248 QĐ/CTN ngày 17-8-2012.
Con độc nhất là liệt sĩ Bì Thị Ngõn: Sinh năm 1930; nhập ngũ năm 1950; đơn vị tại ngũ du kích chiến sỹ đường 5; hy sinh năm 1954, tại huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 435^{kp}/CL ngày 7-10-2003.

Mẹ ĐỖ THỊ THỜI



Năm sinh: 1892; năm từ trần: 1980
Quê quán: Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Văn Dể: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 2-1949; đơn vị tại ngũ xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; hy sinh tháng 9-1951, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 376^{bp} ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Dỡ: Sinh năm 1926; nhập ngũ tháng 4-1949; đơn vị tại ngũ Đại đoàn 108, Trung đoàn 102 (Điện Biên); hy sinh năm 1951, tại Điện Biên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3373^{bp}/CL ngày 02-7-1959.



Mẹ NGUYỄN THỊ LỄ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1955
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Cối: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ Đại đội Vũ Hổ, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 06-10-1951, tại mặt trận Tây Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 315^{bp} ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khe: Sinh năm 1927; đơn vị tại ngũ đội viên du kích xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; hy sinh ngày 27-9-1951, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐL 741^{kp} ngày 28-4-1999.

Mẹ VŨ THỊ ẤU



Năm sinh: 1906; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh Bà mẹ Việt Nam anh hùng số 750/QĐ- CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Nhân: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Đại đội Vũ Hổ, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 16-6-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 373^{bp} ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Trừ: Sinh năm 1934; nhập ngũ ngày 08-4-1950; đơn vị tại ngũ C24, Huyện đội Phù Cù; hy sinh ngày 14-3-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 444^{bp}/CL, 176-TTg ngày 04-5-1959.

Mẹ QUÁCH THỊ SOI



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Ngô Văn Mậm: Hy sinh ngày 10-9-1953, tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 286^{bp} ngày 08-11-2006.
2. Liệt sĩ Ngô Văn Mắm: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 10-8-1950, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HM 806^{kp} ngày 21-6-2012.



Mẹ BÙI THỊ XIÊM



Năm sinh: 1915; năm tử trần: 1973
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đặng Đình Bang: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1964; đơn vị tại ngũ D102, K13; hy sinh ngày 20-11-1965, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RT 402^{bm}/CL ngày 03-7-1976.
2. Liệt sĩ Đặng Minh Loan: Sinh năm 1939; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ K13; hy sinh ngày 07-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 154^b ngày 03-6-1971.

Mẹ NGUYỄN THỊ BAN



Năm sinh: 1913; năm tử trần: 2010
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bì Việt Khải: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 12-8-1967; hy sinh ngày 15-2-1971, tại chiến trường Tây Nam bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 966^{bm}/CL ngày 13-8-1976.
2. Liệt sĩ Bì Văn Quỳnh: Sinh năm 1951; nhập ngũ năm 1970; hy sinh năm 1971, tại chiến trường Tây Nam bộ; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 936^{bm}/CL.

Mẹ HOÀNG THỊ DỸ



Năm sinh: 1917; năm tử trần: 1990
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Quách Văn Hân: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1972; hy sinh ngày 24-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 252^b.
2. Liệt sĩ Quách Đăng Hoàn: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 24-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 892^b.



Mẹ BÌ THỊ CHÁCH



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Phí Ngọc Nổi: Sinh năm 1913; nhập ngũ 01-1950; đơn vị tại ngũ xã Quang Hưng; hy sinh ngày 19-4-1952, tại thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 084^{kp}/CL ngày 31-3-1972.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Phí Ngọc Nghĩa: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 05-4-1968; đơn vị tại ngũ D15 E135; hy sinh ngày 26-9-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 578^b ngày 26-12-1972.

Mẹ QUÁCH THỊ CẨM



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Quách Đăng Thành: Đơn vị tại ngũ Trung đoàn 42 Quân khu 3; hy sinh ngày 13-3-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 348^{bp}.
2. Liệt sĩ Quách Văn Vang: Hy sinh ngày 27-11-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 409^{kp}/CL ngày 22-3-2011.

Mẹ NGUYỄN THỊ HÀI



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Cao Lý, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Hồng Phượng: Sinh năm 1933; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh tháng 11-1967, tại Quảng Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số LM 565^{bm}/CL ngày 31-12-1968.
2. Liệt sĩ Lê Xuân Phường: Sinh năm 1947; đơn vị tại ngũ D1,KB; hy sinh ngày 03-9-1968, tại tỉnh Lai Châu; Bằng Tổ quốc ghi công số MB 012^{bm}/CL ngày 24-12-1970.



Mẹ TRẦN THỊ NGỌ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Đại Thuởng: Hy sinh tại Chiến trường Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số HR 849^b/CL ngày 14-3-1974.
2. Liệt sĩ Đoàn Minh Thanh: Sinh năm 1939; hy sinh tháng 11-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 311^b ngày 02-7-1973.

Mẹ VŨ THỊ SEN



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2005
Quê quán: Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Tiến Sinh: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 14-6-2007, tại thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 716^{pt} ngày 27-4-2009.

Mẹ NGUYỄN THỊ HẾN



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 27-4 (âm lịch)
Quê quán: Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Đình Bút: Sinh năm 1936; hy sinh tháng 7-1953, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 411^{kp}.
2. Liệt sĩ Phạm Đình Viết: Sinh năm 1920; hy sinh năm 1954, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 412^{kp}.



Mẹ NGUYỄN THỊ TỘ



Năm sinh: 1894; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Quách Văn Chúc: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 3-1947; hy sinh ngày 10-8-1950, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3454^{kp}/CL.

Mẹ VŨ THỊ NHÌN



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2008
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ Đặng Văn Sinh: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 4-1949; đơn vị tại ngũ C27, Tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 10-5-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3437^{bp}/CL ngày 02-7-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Đặng Văn Tập: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ chiến sỹ KB; hy sinh ngày 01-01-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 394^{bm}/CL ngày 25-7-1973.

Mẹ ĐẶNG THỊ KHIẾT



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *.
Có 4 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phí Ngọc Nổi: Sinh năm 1913; nhập ngũ 01-1950; đơn vị tại ngũ xã Quang Hưng; hy sinh ngày 19-4-1952, tại thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số DC 084^{kp}/CL ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Phí Ngọc Ngần: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 2-1950; đơn vị tại ngũ xã Quang Hưng; hy sinh ngày 20-7-1954, tại thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 418^k ngày 08-11-2006.
3. Liệt sĩ Phí Ngọc Lóm: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1951; đơn vị tại ngũ xã Quang Hưng; hy sinh ngày 23-2-1951, tại Thọ Lão, Quang Hưng, Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 417^{kp} ngày 08-11-2006.
4. Liệt sĩ Phí Ngọc Miêng: Sinh năm 1921; nhập ngũ ngày 04-7-1950; đơn vị tại ngũ E 312; hy sinh tháng 24-6-1953, tại thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 347^{bp} ngày 08-11-2006.



Mẹ NGUYỄN THỊ THỄO



Năm sinh: 1910; năm tử trần: 1977
Quê quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Sinh: Sinh năm 1920; nhập ngũ tháng 4-1949; đơn vị tại ngũ C27, tỉnh đội Hưng Yên; hy sinh ngày 10-5-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3437^{bp}/CL ngày 02-7-1959.



* Chưa xác minh được thông tin



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TAM ĐA

Mẹ ĐÀO THỊ SỚM



Năm sinh:* ; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 569 KT/CTN ngày 07-11-1998.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Hải: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 6-1952; đơn vị tại ngũ du kích xã Nguyên Hòa; hy sinh ngày 19-8-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số XG 524^k; ngày 01-12-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ TỔNG



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 27-2-2009
Quê quán: Xã Chi Lăng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ôn: Nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 04-3-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số UR 132^b.
2. Liệt sĩ Đào Xuân Ký: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 15-7-1968; đơn vị tại ngũ D402; hy sinh ngày 02-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LH 744^b ngày 07-5-1974.

Mẹ ĐẶNG THỊ BANG



Năm sinh: 1918
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Huỳnh: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 7-1969; đơn vị tại ngũ D50.KN; hy sinh ngày 19-12-1970, tại Xóm Bắc, xã Ngọc Chánh, Phước An, Tuy An, Phú Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 526^{bm}/CL ngày 12-01-2012.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Hàm: Sinh năm 1953; nhập ngũ ngày 8-1971; đơn vị tại ngũ P2, C1, D1, E320; hy sinh ngày 01-12-1974, tại xã Mỹ Thành, Cai Lậy Bắc, Mỹ Tho; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 848^{bm}/CL ngày 12-01-2012.



Mẹ NGUYỄN THỊ NGƯỠNG



Năm sinh: 1915; năm tử trần: 1945
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Doãn Văn Thao: Sinh năm 1920; nhập ngũ ngày 07-7-1950; đơn vị tại ngũ B18 Phù Cù; hy sinh ngày 30-8-1951, tại Tả Ngạn; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4638^{bp}/CL ngày 01-10-1959.
2. Liệt sĩ Doãn Văn Trọng: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 13-3-1949; đơn vị tại ngũ F 304; hy sinh ngày 12-12-1951, tại Tả Ngạn; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4553^{bp}/CL ngày 01-10-1959.

Mẹ HOÀNG THỊ DÂNG



Năm sinh: 1910; năm tử trần: 1987
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tư: Sinh năm 1937; nhập ngũ ngày 22-02-1959; đơn vị tại ngũ 035 KB; hy sinh ngày 22-12-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 361^{bm}/CL ngày 14-6-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Giải: Sinh năm 1941; nhập ngũ ngày 02-4-1966; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh ngày 11-2-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AR 120^{bm}/CL ngày 03-6-1971.

Mẹ DOÃN THỊ CHẮT



Năm sinh 1911; năm tử trần: 1987
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Xuân Tuyển: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ C16, thuộc KBM; hy sinh ngày 02-6-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QN 582^p ngày 03-4-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Đình Khu: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 02-1967; đơn vị tại ngũ 625P; hy sinh ngày 20-5-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 908^p ngày 01-4-1977.



Mẹ ĐÀO THỊ HOAN



Năm sinh: 1916; năm tử trần: 16-10-1991
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khảm: Sinh năm 1924; nhập ngũ ngày 12-5-1950; đơn vị tại ngũ du kích xã Nguyên Hòa; hy sinh ngày 13-6-1950, tại Bốt Quang Hưng, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 550^{KP}/CL ngày 01-12-1959.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hùng: Sinh năm 1949; nhập ngũ ngày 12-3-1967; đơn vị tại ngũ C18, E52, F320; hy sinh ngày 29-5-1968, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 825^b ngày 24-02-1970.





Mẹ VŨ THỊ TỌ



Năm sinh: 1901; năm tử trần: 1978
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Mộc: Sinh năm 1924; đơn vị tại ngũ Đại đội 24, bộ đội huyện Phù Cù; hy sinh ngày 17-7-1953, tại xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 160^{bp}/CL.

Mẹ PHẠM THỊ NHỊ



Năm sinh 1906; năm tử trần: 1989
Quê quán: Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Kim Cương: Sinh năm 1941; hy sinh tháng 5-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 534^g/CL ngày 01-9-1973.

Mẹ ĐẶNG THỊ TẮT



Năm sinh 1915; năm tử trần: 16-8-1959
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 631/2006/QĐ-CTN ngày 25-5-2006.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Hồng: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 04-09-1950, tại La Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 774^k ngày 26-02-2002.



Mẹ BÙI THỊ TỎ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 630/2006/QĐ-CTN ngày 25-5-2006.
Chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Năng: Sinh năm 1908; hy sinh ngày 18-9-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số GC 096^b ngày 21-4-2003.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Doanh: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 23-9-1969, tại Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 932^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Ngà: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 12-4-1968, tại Mặt trận phía Tây; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 864^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ MIỄN



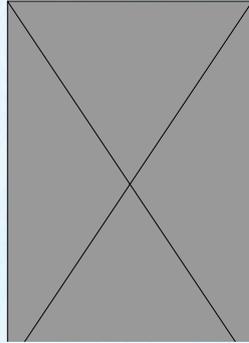
Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Văn Du: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 14-01-1952, tại tỉnh Ninh Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3376^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Đoàn Dự: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 26-3-1951, tại xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 482^{kp}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẠC

Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1986
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Trần Quang Đồng: Sinh năm 1895; hy sinh ngày 28-2-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 809^{cp}/CL ngày 15-12-2010.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Trần Ngọc Thôn: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 05-02-1951, tại xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3467^{bp}/CL ngày 02-7-1959.

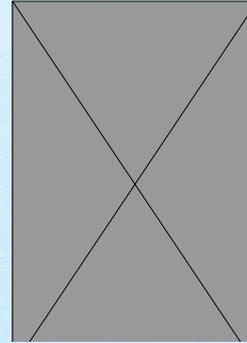


Mẹ NGUYỄN THỊ XUYẾN



Năm sinh: 1919; năm tử trần: 1999
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Quang: Sinh năm 1964; hy sinh ngày 18-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 566^b ngày 24-6-1975.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Quang Xá: Sinh năm 1962; hy sinh ngày 27-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 381^b ngày 15-6-1974.

Mẹ VŨ THỊ TĨNH



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1991
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Xuân Hỷ: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 15-01-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GH 215^b ngày 02-7-1973.
2. Liệt sĩ Vũ Xuân Hiệu: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 10-1965; đơn vị tại ngũ Bộ Tư lệnh 559; hy sinh ngày 27-11-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 373^b ngày 01-12-1973.

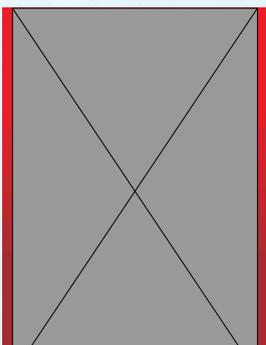
Mẹ PHẠM THỊ SOẠN



Năm sinh: 1913; năm tử trần: 1993
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 002-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Huy Tưởng: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 2/1972; hy sinh ngày 12-3-1975, tại Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số QL 118^{bp}/CL ngày 7-02-1976.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chuyển: Sinh năm 1960; nhập ngũ năm 1978; hy sinh ngày 7-9-1978, tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9Z 946^{bt}/CL ngày 24-12-1980.



Mẹ HOÀNG THỊ TỄO



Năm sinh: 1927; năm tử trần: 19-7-2007
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Mạnh Chiến: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 25-11-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 244^{bm}/CL ngày 15-12-2010.

2. Liệt sĩ Hoàng Tiến Cờ: Sinh năm 1954; đơn vị tại ngũ Biên giới phía Bắc; hy sinh năm 1979, tại Biên giới phía Bắc; Bằng Tổ quốc ghi công số 8M 304^b/CL ngày 20-6-1979.

Mẹ BÙI THỊ DƯƠNG



Năm sinh: 1890; năm tử trần: 1950
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hoàng Tích Huy: Sinh năm hy sinh ngày 06-8-1967; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 929^b ngày 08-10-1971.

2. Liệt sĩ Hoàng Ngọc Chí: Sinh năm 1945; hy sinh ngày 15-01-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ED 197^{bm}/CL.

Mẹ NGÔ THỊ NHỖ



Năm sinh: 1907; năm tử trần: 1987
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hiên: Sinh năm 1918; đơn vị tại ngũ Quân khu tả ngạn; hy sinh năm 1951, tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3382^b.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tĩnh: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 22-12-1946, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3446^{bp}/CL.



Mẹ ĐẶNG THỊ TRÓE



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1981
Quê quán: Xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Lân: Sinh năm 1953; hy sinh ngày 24-8-1972, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 326^{bm}/CL ngày 25-7-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hùng: Hy sinh năm 1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 825^b ngày 24-2-1970.

Mẹ NGUYỄN THỊ XẾ



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Ý: Sinh năm 1926; hy sinh tháng 12 -1949; Bằng Tổ quốc ghi công số XX 274^{bp}/CL ngày 15-12-2010.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ TỔNG PHAN

Mẹ TRẦN THỊ MÃN



Năm sinh: 1893; năm tử trần: 1966
Quê quán: Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
Trú quán: Xã Tổng Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Bùi Hấn: Hy sinh ngày 20-9-1952. Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1380^{bp}/CL ngày 20-01-2012.

Mẹ VŨ THỊ NHỚN



Năm sinh: 1895; năm tử trần: 1930
Quê quán: Xã Tổng Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tổng Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Kim Hường: Sinh năm 1927; nhập ngũ ngày 15-01-1952; đơn vị tại ngũ C20 bộ đội huyện Phù Cù; hy sinh năm 1952, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XR 990^{bp}/CL ngày 12-01-2012.

Mẹ TỔNG THỊ NÁO



Năm sinh: 1898; năm tử trần: 1981
Quê quán: Xã Tổng Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tổng Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thành: Sinh năm 1910; nhập ngũ năm 1946; đơn vị tại ngũ du kích; hy sinh ngày 01-9-1953, tại xã Tổng Phan, huyện Phù Cù tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số PH 488^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ NHỎN



Năm sinh: 1905; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Hà Đức Thông: Sinh năm 1939; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 10-4-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 911^b.

Mẹ PHAN THỊ BỘI



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1994
Quê quán: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hoàng Văn Nhạc: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 03-3-1968, tại Khe Sanh; Bằng Tổ quốc ghi công số VN 932^b ngày 24-02-1970.
2. Liệt sĩ Hoàng Văn Thế: Sinh năm 1939; hy sinh ngày 25-11-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 360^b.
3. Liệt sĩ Hoàng Văn Dinh: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 19-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OH 579^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHẶT



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1941
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Bùi Chác: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 3-1947; đơn vị tại ngũ du kích; hy sinh tháng 8-1953, tại Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐC 411^{kp}/CL ngày 12-01-2012.



Mẹ TRẦN THỊ NHỚN

Năm sinh: 1916; năm tử trần: 1963
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Cao Thu: Sinh năm 1935; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 16-12-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 392^b

Mẹ LÊ THỊ BẦN



Năm sinh: *; năm tử trần: *
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tuận: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 20-4-1972; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 434^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Chu: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 26-02-1952. Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 934^b.
3. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Lương: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 19-7-1968; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 890^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ MẬU



Năm sinh: *; năm tử trần: 1945
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Tống Đăng Rỹ: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 19-02-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GB 135^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ THUỘC



Năm sinh: * ; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Thà: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 4-1968; hy sinh ngày 20-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 453^b/CL ngày 18-6-1974.

Mẹ NGUYỄN THỊ CHÉN



Năm sinh: 1896; năm từ trần: 7-6-1975
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Dị: Hy sinh tháng 9-1953, tại xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 452^{kp}.

Mẹ NGUYỄN THỊ THƯƠNG



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1979
Quê quán: Xã Tống Phan Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đăng Minh: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 7-6-1950, tại Tam Nông, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1051^b ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hải Chiếu: Sinh năm 1933; hy sinh ngày 23-12-1966, tại Mai Sơn, Sơn La; Bằng Tổ quốc ghi công số EM 566^c ngày 27-7-1970.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ PHAN THỊ SÁU



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 20-8-1950
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Đức Tín: Sinh năm 1924; nhập ngũ tháng 02-1949; hy sinh ngày 17-10-1949, tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 504^{kp} ngày 07-10-2003.

Mẹ LÊ THỊ PHÁT



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phùng Văn Duyệt : Sinh năm 1947; hy sinh ngày 08-12-1968, tại Chiến trường phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 392^{bm}/CL ngày 21-02-1975.
2. Liệt sĩ Phùng Xuân Sửu: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 11-9-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số CN 859^{bm}/CL ngày 05-8-1972.

Mẹ KIỀU THỊ ĐỦ



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2005
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ Phùng Văn Sinh: Sinh năm 1905; hy sinh ngày 22-6-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số ZA 5067^c ngày 11-5-1960.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Phùng Văn Nam: Sinh năm 1930; hy sinh năm 1950, tại La Tiến, Nguyên Hòa, Phù Cù, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số Y 2022^k ngày 27-02-1957.



Mẹ PHẠM THỊ RUỘM



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Quang Môn: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 15-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 605^{bm}/CL ngày 02-4-1977.
2. Liệt sĩ Trần Quang Khoa: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 02-1968; hy sinh ngày 15-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VA 881^{bm}/CL.

Mẹ TRẦN THỊ NHỖN



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Văn Chuyên: Sinh năm 1953; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ P2; hy sinh ngày 18-06-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RI 400^{bm}/CL ngày 03-7-1976.
2. Liệt sĩ Trần Văn Gạch: Sinh năm 1956; nhập ngũ năm 1971, tại P4; hy sinh ngày 24-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 882^{bm}/CL.

Mẹ TỐNG THỊ CỤM



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Diệm: Đơn vị tại ngũ du kích; hy sinh tháng 9-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số GG 512^{kp} ngày 07-10-2003.



Mẹ PHẠM THỊ TÝ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1963
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Văn Cồn: Hy sinh tháng 5-1950, tại La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐC 016^{kp}/CL ngày 31-3-1972.
2. Liệt sĩ Bùi Văn Súng: Hy sinh ngày 22-8-1951, tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số HE 389^{kp} ngày 08-11-2006.

Mẹ TRẦN THỊ AN



Năm sinh: *; ; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Tỉnh Thái Bình
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đạc: Sinh năm 1928; hy sinh ngày 15-8-1951.
2. Liệt sĩ Nguyễn Duy Xuân: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 17-4-1954.
3. Liệt sĩ Nguyễn Duy Bẩy: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 09-11-1954.

Mẹ TRẦN THỊ NHỖ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Phan, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số *
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Trần Đoàn Tiểu: Hy sinh ngày 06-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 511^b/CL ngày 12-01-2012.
2. Liệt sĩ Trần Đoàn Đạt: Sinh năm 1918; nhập ngũ ngày 07-3-1953; đơn vị tại ngũ F308; hy sinh ngày 21-02-1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số CX 347^b ngày 21-11-1960.



Mẹ HÀ THỊ CHẾ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Bùi (Phạm) Văn Yên: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 01-5-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 968^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHỖ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 2007
Quê quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Tuấn: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 25-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SB 462^b ngày 13-8-1976.

Mẹ HÀ THỊ KHUYÊN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2011
Quê quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương Độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thịnh: Sinh năm 1943; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 01-4-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số MT 752^b ngày 19-12-1970.



Mẹ ĐỖ THỊ HÀN



Năm sinh: *; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Dừa (Đào): Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 10-1966; hy sinh ngày 5-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 153^b.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Gấn: Sinh năm 1945; nhập ngũ tháng 12-1968; hy sinh ngày 25-1-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐT 248^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ THẨM



Năm sinh: *; năm từ trần: 1944
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nổi: Sinh ngày 06-7-1924; nhập ngũ năm 1948; hy sinh ngày 16-01-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số PX 031^b.

Mẹ NINH THỊ KHUYÊN



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Ninh Văn Hải: Sinh ngày 02-01-1933; nhập ngũ ngày 20-3-1953; hy sinh ngày 14-3-1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số PX 029^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ ĐÀO



Năm sinh: *; năm từ trần: 3-10 âm lịch
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Phan: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1963, tại Nông trường Cửu Long; hy sinh ngày 06-11-1965, tại Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 573^k ngày 04-7-1966.

Mẹ ĐỖ THỊ THƠM



Năm sinh: *; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Bình Ký Tăng: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 16-8-1951, tại Bốt La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 161^b.

Mẹ BÙI THỊ LẦN



Năm sinh: 1925
Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bình Công Tạc: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 6-1968, tại Tiểu đoàn 6, Trung đoàn Sư đoàn 7; hy sinh ngày 21-3-1975, tại tỉnh Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số RR 197^b ngày 03-7-1976.
2. Liệt sĩ Bình Đức Dục: Sinh tháng 4-1954; đơn vị tại ngũ Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 4, KB; hy sinh ngày 10-7-1973, tại Bà Rịa; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 008^b ngày 23-6-1976.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ PHẠM THỊ VẤN



Năm sinh: 1945

Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 751/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Chồng là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Tuấn: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 25-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số SD 462^b ngày 13-8-1976.

Có 1 con là liệt sĩ:

Liệt sĩ Nguyễn Xuân Tuyến: Sinh năm 1953; nhập ngũ tháng 8-1972; hy sinh ngày 04-3-1980, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công ngày 19-6-1981.

Mẹ NGUYỄN THỊ TRÀ



Năm sinh: *; năm từ trần: 3-12 âm lịch

Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Ninh Hồng Thuận: Sinh năm 1938; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 19-2-1973, tại Tây Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số OD 92^{bm}/CL ngày 15-12-2010.

2. Liệt sĩ Ninh Hồng Thấn: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1969; hy sinh ngày 30-12-1971, tại tỉnh Bình Định; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 320^{bm}/CL ngày 11-8-1976.

Mẹ LƯƠNG THỊ NĂM



Năm sinh: 1904; năm từ trần: 2007

Quê quán: Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Hà Đăng Dừa: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 9-1965, tại D102, Bình trạm 32; hy sinh ngày 06-6-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BV 959^b ngày 20-5-1972.

2. Liệt sĩ Hà Đăng Gạch: Sinh năm 1947; nhập ngũ tháng 8-1967, tại P2; hy sinh ngày 16-11-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VB 798^b ngày 05-4-1977.



Mẹ BÌNH THỊ NGOÃN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Triệu: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 20-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LT 760^b ngày 18-6-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Phiến: Sinh năm 1960; nhập ngũ tháng 5-1978, tại Trung đoàn 101, E18, Quân đoàn 2; hy sinh ngày 29-01-1979, tại Kiên Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số 8Y 007^b ngày 05-1-1980.

Mẹ NGÔ THỊ HỘI



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Đức Cảo: Sinh ngày 01-02-1924; nhập ngũ tháng 02-1951; du kích; hy sinh ngày 12-12-1952, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số 3B 1181^{kp}.
2. Liệt sĩ Phạm Hồng Đăng: Sinh tháng 1-1922; hy sinh ngày 11-4-1953, tại huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1133^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHANG



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Ngọc Lan: Sinh năm 1948; nhập ngũ 1968, tại Tiểu đoàn 8, KB; hy sinh ngày 28-10-1972, tại tỉnh Tiền Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số NB 330^b ngày 15-6-1974.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Toàn: Sinh năm 1955; nhập ngũ năm 1974, tại Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 1, F5; hy sinh ngày 23-4-1975, tại Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số QK 330^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ TỌ



Năm sinh: 1921; năm tử trần: 1945

Quê quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Hồng Xuân: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1960, tại thị xã Nghĩa Lộ; hy sinh ngày 10-7-1965, tại Văn Chấn, Nghĩa Lộ; Bằng Tổ quốc ghi công số GT 816^{cm} ngày 26-4-2005.

